

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng hội (họ)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Hoàng**;
2. Ông **Nguyễn Thành Phước**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Đáng Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **93/2022/ TLST- DS ngày 05/4/2022** về việc: "**Tranh chấp Hợp đồng hội (họ)**" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-DS ngày 06/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2022/QĐST-DS ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thu T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp Sơn Lập, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0366844441 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Dương Thị Mỹ H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Sơn Lập, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* Bà **Phạm Thị Tuyết M**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp Sơn Lập, xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Thu Ttrình bày: Bà Võ Thị Thu T là hội viên có tham gia chơi 03 dây hội do bà Dương Thị Mỹ H làm chủ hội, hình thức hội huê hồng, khi chơi hội bà T được bà H giao sổ hội có danh sách hội viên, tên trong sổ hội của bà T là “Lượng Phong”. Việc chơi hội chỉ dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau nên ngoài sổ hội thì bà H không có làm biên nhận giao nhận tiền hội gì cho hội viên. Trong 03 dây hội bà T tham gia thì có 02 dây hội tháng đã mãn còn lại 01 dây hội chưa mãn là dây hội 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 29/4/2019, có 13 người tham gia với 16 chân, bà T chơi 01 chân, bà H cũng có tham gia 02 chân, dây hội khai được 8 lần, cụ thể các lần khai hội như sau:

Lần thứ 1: Dương Thị Yên Oanh (Oanh) hót, kêu 200.000 đồng bà T đóng 800.000 đồng cho chủ hội.

Lần thứ 2: Dương Thị Yên Oanh (Oanh) hót, kêu 200.000 đồng, bà T đóng 800.000 đồng cho chủ hội.

Lần thứ 3: Ngô Thị Cẩm Nhung (Vợ Sớm) hót, kêu 120.000 đồng, bà T đóng 880.000 đồng cho chủ hội.

Lần thứ 4: Phạm Thị Tuyết Mai (Tur Lang) hót, kêu 230.000 đồng, bà T đóng 770.000 đồng cho chủ hội.

Lần thứ 5: Thạch Thị Kim Duyên (Vợ Chệt) hót, kêu 240.000 đồng, bà T đóng 760.000 đồng cho chủ hội.

Lần thứ 6: Ngô Thị Mỹ Linh (Mỹ Linh) hót, kêu 120.000 đồng, bà T đóng 880.000 đồng cho chủ hội.

Lần thứ 7: Dương Thị Mỹ Hạnh (Chị Tâm) là chủ hội hót, kêu 260.000 đồng, tôi đóng 740.000 đồng cho chủ hội.

Lần thứ 8: Nguyễn Thị Thanh Thúy (Chị Sáu ghe lúa) hót, kêu 210.000 đồng, bà T đóng 790.000 đồng cho chủ hội.

Tuy nhiên, đến lần khai hội thứ 9 bà T chưa kịp đóng tiền thì vào khoảng tháng 01/2020 bà H tuyên bố bế hội và đi khỏi địa phương để trốn tránh trách nhiệm của chủ hội.

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà H trả số tiền hội là 6.800.000 đồng nhưng qua tính toán thì số tiền thực đóng bà T đóng cho bà H là 6.420.000 đồng. Do đó, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền hội tính toán nhầm là 380.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả cho bà số tiền hội bà đã đóng là 6.420.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết Mai đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình

cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bà vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2022, người làm chứng bà Phạm Thị Tuyết Mai (tên gọi trong sổ hội là Mai Hậu) trình bày: Bà T, bà H là hàng xóm với bà M, không có họ hàng gì. Bà M có tham gia chơi hội do bà H làm chủ hội, tên gọi trong sổ hội của bà là Mai Hậu. Bà M không biết bà T tham gia chơi mấy dây hội do bà H làm chủ hội nhưng bà có chơi chung với bà T 01 dây hội do bà H làm chủ hội, cụ thể: Dây hội 1.000.000đ/tháng, mở ngày 29/4/2019, có 13 người tham gia với 16 chân, bà M chơi 01 chân, bà T chơi 01 chân, dây hội khai được 9 lần thì bà H tuyên bố bế hội và bỏ đi vào tháng 01/2020. Tôi biết bà T đóng hội sống đầy đủ và chưa được hốt hội lần nào. Bà H làm chủ hội nhưng có hội viên thì giao sổ hội, có hội viên lại không có (bà M cũng không được giao sổ hội nhưng có tên trong sổ hội) mọi việc khai hội chỉ thông tin bằng miệng, khi hốt hội, giao hội cũng không làm biên nhận giao tiền gì. Bà M cam kết lời khai trên là sự thật nếu có gian dối sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Theo biên bản xác minh ngày 05/4/2022 với sự xác nhận của Công an xã Vọng Đông thể hiện: Bà H có hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay thường xuyên vắng mặt, không rõ đi đâu. Bà H có làm chủ hội một thời gian nhưng cách thức chơi hội như thế nào thì không rõ và không biết hội viên là ai.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H trả cho bà T số tiền nợ hội là 6.420.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 380.000 đồng của nguyên đơn. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hội (họ) được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng hội (họ):

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã cung cấp cho Tòa án sổ hội trong đó thể hiện đây hội 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 29/4/2019, có 13 người tham gia với 16 chân, bà T chơi 01 chân với tên gọi của chồng là Lượng Phong, bà H cũng có tham gia chơi 02 chân với tên gọi là “Chị Tâm”, ngoài ra trong sổ hội còn có số điện thoại của chủ hội bà H. Dù sổ hội không có tên chủ hội nhưng qua thẩm tra thì lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của người làm chứng cũng như phù hợp với xác nhận của chính quyền địa phương, có cơ sở xác định giữa bà T và bà H có xác lập hợp đồng hội (họ), loại hội có lãi và hội hưởng hoa hồng, bà H là chủ hội, bà T là hội viên. Hợp đồng hội (họ) này của bà T và bà H, là giữa những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 3 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn bà Võ Thị Thu T:

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà H trả số tiền hội là 6.800.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền hội tính toán nhằm là 380.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả cho bà số tiền hội bà đã đóng là 6.420.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bị đơn trả số tiền 380.000 đồng của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 380.000 đồng của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà T khẳng định đã đóng đầy đủ 08 lần hội sống cho chủ hội bà H với tổng số tiền là 6.420.000 đồng, chưa được hốt hội thì bà H đã tuyên bề hội nhưng không cung cấp được biên nhận giao hội hay biên nhận nợ hội để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy lời khai của của nguyên đơn là có căn cứ (trình bày cụ thể rõ ràng từng lần khai hội, số tiền khai và đóng hội cho chủ hội) phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như tập quán tổ chức chơi hội ở địa phương bởi lẽ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Hội (họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người nên việc bắt buộc nguyên đơn phải cung cấp chứng cứ là các biên nhận giao tiền hội, biên nhận nợ hội khi các thành viên hội, chủ hội không có thỏa thuận về

việc lập biên nhận mỗi lần giao nhận tiền hối là không thể. Bên cạnh đó, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu và chứng cứ của bà T đưa ra nên việc bà H có nợ bà T số tiền hối là 6.420.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh.

Xét thấy, bà H là chủ hối sau khi thu tiền hối của hối viên đã tự ý tuyên bố bề hối trốn tránh trách nhiệm của chủ hối. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 6.420.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hối, họ, biên, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy số tiền nợ hối bị đơn bà Dương Thị Mỹ H phải trả cho bà Võ Thị Thu T là 6.420.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hối, họ, biên, phường.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 380.000 đồng của nguyên đơn.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu T: Buộc bị đơn bà Dương Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ

Thị Thu T số tiền nợ hui là 6.420.000 đồng (sáu triệu, bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Dương Thị Mỹ H phải nộp 321.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Võ Thị Thu T không phải chịu án phí nên được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009084 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên